

Số: 176/2019/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ
ngày 12/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Tiêu Sỹ Tuấn A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố DN, thị trấn Q, huyện QO, thành phố HN.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Yên G, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 36, phường QT, thành phố TN.

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357,
Khoản 2, Điều 468, Điều 483 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí và lệ
phí năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban
thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/4/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên
bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019 là
hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn
và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tiêu Sỹ Tuấn A và chị Nguyễn Thị
Yên G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tiêu Sỹ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Yên G xác
định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí
thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị G nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Tiêu Yến Hoa L, sinh ngày 30/3/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.200.000^d/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng/tháng) đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Về án phí: Anh A tự nguyện nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước và nộp ngân sách 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0007396 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A TPTN;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã Nông Tiến
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T